

Số: **598** /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày **18** tháng **5** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê của Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định tại Tờ trình số 545/TTr-CDXDND ngày 12/11/2020 về phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích sản xuất kinh doanh/cho thuê;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê của Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu của Đề án:

Khai thác hiệu quả sử dụng các tài sản công được Bộ Xây dựng giao cho Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định quản lý tại Trường; đảm bảo việc sử dụng tài sản đúng mục đích được giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường.

2. Địa điểm thực hiện: Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định có 3 cơ sở: (i) Cơ sở chính tại Phường Lộc Vượng thành phố Nam Định; (ii) Xã Nam Phong ngoại thành Nam Định; (iii) số 116 phố Hàn Thuyên, thành phố Nam Định.

3. Quy định và phương án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê của Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định:

3.1. Quy định việc sử dụng tài sản công sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê trong các trường hợp sau đây:

- Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định sử dụng các tài sản được giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao nhưng chưa sử dụng hết công suất, Trường có thể sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê theo quy định tại khoản 1 Điều 56, 57 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật, công khai minh bạch trong tập thể Nhà trường, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được cấp trên giao và không làm mất quyền sở hữu về tài sản.

3.2. Phương án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê

- Mục đích kinh doanh tại Trường:

+ Máy móc thiết bị thí nghiệm tại cơ sở phường Lộc Vượng: Tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh do Trung tâm Tư vấn Xây dựng trực thuộc Trường thực hiện;

+ Nhà giới thiệu sản phẩm của Trường, diện tích sàn xây dựng khoảng 215 m², tại số 116 phố Hàn Thuyên, tham gia hoạt động kinh doanh (giới thiệu, quảng bá sản phẩm của các ngành, nghề đào tạo, mộc và thủ công mỹ nghệ) do Trung tâm Thực nghiệm sản xuất trực thuộc Trường thực hiện.

(Chi tiết theo danh mục về nhà, thiết bị đính kèm).

- Mục đích cho các đơn vị ngoài Trường thuê:

+ Một số phòng tại Nhà lớp học 5 tầng, cơ sở Lộc Vượng, diện tích khoảng 208 m² sàn xây dựng (phục vụ hoạt động giảng dạy, đào tạo).

+ 02 phòng tại Nhà B lớp học 3 tầng, cơ sở số 116 phố Hàn Thuyên, diện tích sàn xây dựng khoảng 100m² (phục vụ hoạt động giảng dạy, đào tạo).

+ Nhà mái tôn tại cơ sở xã Nam Phong diện tích sàn xây dựng khoảng 178 m² (phục vụ các hoạt động thể thao).

+ Nhà kho 2 tầng cơ sở xã Nam Phong, diện tích khoảng 462 m² sàn xây dựng (làm kho, xưởng, sửa chữa, gia công sản phẩm có liên quan đến ngành, nghề thủ công mỹ nghệ, xây dựng).

4. Thời gian thực hiện: Cho thuê ngắn hạn, không liên tục và cho thuê hàng năm kể từ ngày ký Quyết định phê duyệt Đề án.

5. Hình thức cho thuê: Căn cứ vào quy mô, tính chất của tài sản cho thuê, thời gian cho thuê, Trường tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

6. Phương án tài chính: Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản, sau khi chi trả các chi phí hợp lý có liên quan, trích khấu hao và thực hiện các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước; phần còn lại Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định

- Xây dựng kế hoạch và các giải pháp để thực hiện Đề án, bảo đảm đúng mục tiêu và các nội dung của Đề án đã được phê duyệt;

- Xác định giá cho thuê hoặc tổ chức đấu giá để lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê đối với các tài sản công sử dụng vào mục đích cho thuê theo đúng quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về đấu giá tài sản;

- Quản lý, sử dụng tài sản công được giao vào mục đích, sản xuất, kinh doanh cho thuê có hiệu quả, tuân thủ các quy định của pháp luật;

- Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi về nội dung Đề án đã phê duyệt, Hiệu trưởng có trách nhiệm trình Bộ xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thực hiện.

- Hàng năm, Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Xây dựng (Vụ Kế hoạch - Tài chính) trước ngày 31 tháng 12 để theo dõi, quản lý và quyết toán niên độ tài chính theo quy định.

2. Giao các Vụ chức năng: Kế hoạch – Tài chính và Tổ chức cán bộ có trách nhiệm theo dõi, giám sát Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổ chức cán bộ, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BT. Nguyễn Thanh Nghị (để b/c);
- Bộ Tài chính (Cục QLCS);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Sinh

DANH MỤC TÀI SẢN CÔNG
Sử dụng vào mục đích kinh doanh

(Kèm theo Quyết định số **598**QĐ-BXD ngày **18/5/2021** của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Tài sản	Ngày, tháng, năm sử dụng	Giá trị theo sổ kế toán	
			Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Danh mục máy, thiết bị thí nghiệm sử dụng vào mục đích kinh doanh tại trường		11.006.369	4.611.965
1	Máy kéo nén H010-Master - ý	2006	349.400	0
2	Phụ tùng cho máy kéo nén	2006	55.340	0
3	Súng thử cường độ bê tông -Thụy sĩ	2006	18.750	0
4	Máy siêu âm-Master - ý	2006	88.760	0
5	Máy moi đất tam liên	2008	51.000	0
6	Máy cắt đất phẳng 2 tốc độ	2008	14.880	0
7	Máy nén CBR	2008	24.195	0
8	Ổn áp lioa 15KVA	2010	15.325	0
9	Cân thủy tĩnh PGW753E	2010	35.750	0
10	Máy mài mòn LosAngeles (Thiết bị đồng bộ); Model: TA 638	2010	32.450	0
11	Máy khoan lấy mẫu (đã kèm mũi)	2011	42.080	0
12	Máy cưa cắt mẫu bê tông	2011	22.960	0
13	Thiết bị khử bọt khí bê tông-TQ	2011	13.486	0
14	Nhớt kế VEBE cho bê tông	2011	12.990	0
15	Máy trộn vữa tiêu chuẩn, tự động toàn bộ TQ	2011	14.490	0
16	Máy dẫn tạo mẫu hiển thị số -TQ	2011	18.695	0
17	Máy nén thủy lực 300KN	2011	101.318	0
18	Máy nén Marshall 30KN	2011	34.492	0
19	Đảm tạo mẫu Marshall - TQ	2011	39.698	0
20	Bình ổn nhiệt Marshall tiêu chuẩn - TQ	2011	16.496	0
21	Máy ly tâm cách nhựa VN	2011	29.295	0
22	Thiết bị thử độ kim lún nhựa	2011	9.580	0
23	Máy thử độ dẫn dài nhựa	2011	19.496	0
24	Dụng cụ xác định độ hoá mềm nhựa	2011	8.120	0
25	Thiết bị thí nghiệm bắt lửa	2011	8.796	0

I	Danh mục máy, thiết bị thí nghiệm sử dụng vào mục đích kinh doanh tại trường		11.006.369	4.611.965
26	Thiết bị xác định tổn thất khi nung: hệ thống quay, cốc đựng sản phẩm	2011	13.880	0
27	Lò nung 1000 O ^c	2011	8.240	0
28	Bàn rung tạo mẫu bê tông	2012	9.955	995
29	Côn sứt côn thử độ sứt bê tông	2012	5.720	572
30	Máy thử vụn nặng 100KN	2012	265.485	26.548
31	Thiết bị định vị cốt thép trong bê tông	2012	183.865	18.386
32	Máy thử độ chống thấm bê tông	2012	75.955	7.595
33	Máy mài mòn bê tông	2012	34.375	3.437
34	Hộp nhôm thí nghiệm độ ẩm	2012	2.970	297
35	Thí nghiệm thấm đất	2012	14.960	1.496
36	Máy khoan khảo sát	2012	250.965	25.096
37	Máy đo điện trở đất	2012	8.844	884
38	Máy cất nước 2 lần	2016	163.359	81.680
39	Máy lọc nước siêu sạch MicroPure	2016	193.098	96.549
40	Máy nén khí không dầu OF1202-40B	2016	56.547	28.274
41	Máy nén bê tông ADS200EL	2016	730.716	365.358
42	Thiết bị đo chiều dày VL bằng sóng siêu âm T-GageV	2016	194.250	97.125
43	Máy siêu âm dò khuyết tật KT số D-50	2016	310.800	155.400
44	Máy siêu âm cọc khoan nhồi CHAMP	2016	311.010	155.505
45	Máy phân tích ăn mòn cốt thép canin	2016	995.859	497.930
46	Máy kiểm tra độ nguyên dạng cọc	2016	707.364	353.682
47	Máy thử động cọc PAX	2016	2.083.869	1.041.935
48	Thiết bị đo độ ẩm của đất M00750	2016	18.849	9.425
49	Cân kỹ thuật PA4102	2016	17.278	8.639
50	Cân phân tích EX1103	2016	100.528	50.264
51	Tủ hút khí độc EFD-4A8	2016	253.730	126.865
52	Kính hiển vi soi nổi EMZ-5	2016	192.156	96.078
53	Kính hiển vi phân cực MT9930	2016	508.192	254.096
54	Lò nung LE4/11	2016	193.936	96.968
55	Tủ sấy LDO-150N	2016	72.988	36.494
56	Máy kiểm tra sức bền vật liệu vụn nặng M500-100 CT	2016	1.948.784	974.392
II.	Nhà giới thiệu sản phẩm sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh tại trường	2009	637.044,000	94.408,780

